

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**Số: 32/2018/HSST
Ngày 20/6/2018**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M – TỈNH HƯNG YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Tuấn Trọng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Đ Hượng và ông Đặng Văn Đăng.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Oanh - Cán bộ Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Phụng -
Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện M.

Ngày 20/6/2018, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện M mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 19/2018/HSST ngày 11/5/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2018/HSST - QĐ ngày 29/5/2018 và Thông báo thay đổi lịch xét xử số 12/TB - TA đối với bị cáo:

Đỗ Văn C, sinh năm 1987; tại huyện P, tỉnh Hưng Yên; Giới tính: Nam;

Tên gọi khác: Không;

Nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện P, tỉnh Hưng Yên;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 6/12;

Con ông: Đỗ Văn P, sinh năm 1964 và bà Vũ Thị T, sinh năm 1964;

Vợ, con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không;

Tạm giam từ ngày 05/3/2018; Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên; Có mặt.

Người bị hại: Anh Chu Quang A, sinh năm 1990; trú tại: Xóm H, xã T, thị xã T, tỉnh Nghệ An; Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Vũ Thị T (mẹ của bị cáo), sinh năm 1964; trú tại: Thôn T, xã N, huyện P, tỉnh Hưng Yên; Có mặt.

NỘI D VU ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 15/11/2017, Đỗ Văn C điều khiển xe mô tô Honda Dream chở chị Cao Thị D sinh năm 1987, trú tại thôn B, xã A, huyện C, tỉnh Hải Dương đi từ Hải Dương đến nhà anh Đặng Ngọc S sinh năm 1978, trú tại thôn S, xã M, huyện M để đợi anh Phạm Ngọc D sinh năm 1979, trú tại thôn N, xã N, huyện M đến cùng đi ăn liên hoan. Khoảng 19 giờ 20 phút cùng ngày, C chở D bằng xe mô tô trên còn anh D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead của anh D đi đến nhà hàng Hải Yến thuộc thôn

T, xã P, huyện, M. Một lúc sau có anh Nguyễn Hữu T sinh năm 1986, trú tại thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương, anh S và chị Nguyễn Thị Th sinh năm 1983, trú tại thôn S, xã M, huyện M (là vợ của anh S) cũng đến nhà hàng Hải Yến để ăn liên hoan cùng C, chị D và anh D. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, khi mọi người ăn xong, C đi ra sân nơi dựng xe mô tô Honda Dream mà trước đó C chở chị D đến, C quan sát xung quanh không có người nên nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô mang bán lấy tiền tiêu sài. C tiến lại gần chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Jupiter MX, S màu đen bạc, biển số đăng ký 37H1-521.82 của anh Chu Quang A sinh năm 1990, trú tại xóm H, xã T, thị xã T, tỉnh Nghệ An dựng gần xe mô tô Honda Dream của C. C tiến lại gần dùng chìa khóa xe mô tô Honda Dream tra vào ổ khóa điện của xe mô tô biển số đăng ký 37H1-521.82 thì mở được ổ khóa. C rút chìa khóa xe mô tô ra quay lại phòng ăn của nhà hàng Hải Yến đưa chìa khóa xe mô tô Honda Dream cho chị D và nói: “Anh đi trước có việc”. Sau đó, C quay lại nơi để chiếc xe mô tô biển số đăng ký 37H1-521.82 đã mở khóa lúc trước, C quay đầu xe, điều khiển xe mô tô đi ra khỏi nhà hàng rồi đi về thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Trên đường đi, C mở cốp xe mô tô ra thấy bên trong có 01 túi nilon đựng giấy phép lái xe, thẻ rút tiền của ngân hàng BIDV, chứng minh nhân dân và đăng ký xe mô tô biển số đăng ký 37H1-521.82. C cầm đăng ký xe mô tô còn các giấy tờ khác C vứt đi. Khi ở thành phố U C gọi điện cho chị D xuống chơi, khoảng hai ngày sau, chị D xuống gặp C. Sau đó, C và chị D ngồi uống nước gần đền Trình Yên Tử thuộc thành phố U thì gặp anh Nguyễn Duy H (tên gọi khác là Bờm) sinh năm 1991, trú tại Khu H, phường P, thành phố U là bạn của C. Lúc này chị D ngồi chơi điện thoại còn C và H ngồi nói chuyện với nhau, C nhờ H đi cầm chiếc xe mô tô biển số đăng ký 37H1-521.82, H đồng ý. Đến ngày 20/11/2017, H đưa C đến cửa hàng Cầm đồ Đức Thắng ở phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, C và H vào gặp anh Trần Công Đ sinh năm 1998 là chủ cửa hàng, C nói: “Đây là xe mô tô của em có đầy đủ giấy tờ” và đưa đăng ký xe mô tô biển số đăng ký 37H1-521.82 cho anh Đ xem. Sau khi xem xong, anh Đ nhận cầm cố chiếc xe mô tô trên cùng đăng ký xe mô tô với giá 4.000.000đồng. Anh Đ đưa tiền cho C, C cầm tiền, sau đó một mình ăn tiền hết. Đến ngày 22/12/2017, H đưa Nguyễn Thế M (tên gọi khác: A Tua là bạn của H) sinh năm 1993, trú tại khu H, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh đến cửa hàng cầm đồ Đức Thắng lấy lại chiếc xe mô tô biển số đăng ký 37H1- 521.82 cùng đăng ký xe của anh Đ với giá 4.500.000đồng.

Ngày 16/11/2017, anh Chu Quang A làm đơn trình báo đến Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an huyện M.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 56/KL- HĐ ngày 18/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện M, kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Jupiter MX S màu đen bạc biển số đăng ký 37H1-521.82 có giá trị còn lại là 7.000.000đồng.

Qua điều tra xác minh, ngày 05/3/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M triệu tập Đỗ Văn C lên làm việc. C đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M chiếc điện thoại nhãn hiệu Masstel (bên trong lắp 02 sim) và chứng minh nhân dân mang tên Đỗ Văn C.

Quá trình điều tra, Đỗ Văn C đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Ngoài ra, C khai: Khi nhờ anh Nguyễn Huy H đi cầm chiếc xe mô tô biển số đăng ký 37H1- 521.82, C nói với anh H là tài sản do phạm tội mà có còn anh Nguyễn Huy H không thừa nhận, Cơ quan điều tra đã cho anh H và C

đôi chất nhưng anh H vẫn không thừa nhận nên không đủ căn cứ để xử lý đối với anh H.

Đối với chị Cao Thị D đã đi cùng với C đến nhà hàng Hải Yến để ăn liên hoan nhưng chị D không bàn bạc thống nhất gì với C và không biết C trộm cắp tài sản ở nhà hàng Hải Yến. Việc C nhờ anh H đi cầm xe do phạm tội mà có, chị D không biết, C cũng không nói cho chị D biết nên không đủ căn cứ để xử lý đối với Chị D.

Đối với , anh Phạm Ngọc D, anh Nguyễn Hữu T, anh Đặng Ngọc S và chị Nguyễn Thị Th đi ăn tại nhà hàng Hải Yến cùng với C nhưng không biết C lấy trộm chiếc xe mô tô biển số đăng ký 37H1- 521.82 nên không đủ căn cứ để xử lý đối với anh D, anh T, anh S và chị Th.

Đối với anh Trần Công Đ nhận cầm cố chiếc xe mô tô biển số đăng ký 37H1- 521.82, và anh Nguyễn Thế M đến lấy lại chiếc xe mô tô trên. Anh Đ và anh M không biết chiếc xe mô tô trên do C phạm tội mà có nên không đủ căn cứ để xử lý đối với anh Đ và anh M. Tuy nhiên, hành vi nhận cầm cố chiếc xe mô tô không chính chủ của anh Đ, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M, tỉnh Hưng Yên đã có Công văn trao đổi với Công an thành phố U, tỉnh Quảng Ninh để xử lý theo thẩm quyền.

Đối chiếc xe mô tô biển số đăng ký 37H1- 521.82, Nguyễn Văn M khai sau khi lấy lại chiếc xe mô tô trên ở cửa hàng cầm đồ của anh Trần Công Đ, M sử dụng làm phương tiện đi lại. Đến khoảng tháng 2 năm 2018, M gửi chiếc xe mô tô trên cho một người tên Cu không rõ họ tên đệm và địa chỉ là bạn của M để vay Cu số tiền 7.000.000 đồng. Do chưa xác định được đối tượng tên Cu và chưa thu hồi được chiếc xe mô tô nói trên nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ.

Ngày 26/3/2018 bà Vũ Thị T sinh năm 1964, HKTT: thôn T, xã N, huyện P, tỉnh Hưng Yên là mẹ của Đỗ Văn C đã tự nguyện bồi thường cho anh Chu Quang A số tiền 7.000.000 đồng là giá trị của chiếc xe mô tô theo kết luận định giá. Anh A đã nhận số tiền trên không yêu cầu, đề nghị gì về chiếc xe.

Đối với giấy phép lái xe, thẻ rút tiền của ngân hàng BIDV, chứng minh nhân dân, C khai đã vớt trên đường ra thành phố U, Quảng Ninh. Quá trình điều tra xác định: Các giấy tờ trên là giấy tờ tùy thân của anh Chu Quang A. Do C không nhớ được địa điểm vớt nên Cơ quan điều tra không thu hồi được. Đến nay, anh A yêu cầu C bồi thường chi phí làm lại các giấy tờ trên theo quy định của pháp luật, C đồng ý.

Quá trình điều tra xác định: Chiếc điện thoại nhãn hiệu Masstel và chứng minh nhân dân mà C giao nộp cho cơ quan điều tra không liên quan đến việc phạm tội. Nay C có nhu cầu nhận lại giấy tờ và tài sản trên.

Đối với chiếc xe mô tô Honda Dream mà C chở chị D cùng đi đến nhà hàng Hải Yến. Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô trên, chị D mượn của anh Nguyễn Văn Đ sinh năm 1975 HKTT: thôn B, xã A, thị xã C, tỉnh Hải Dương (là chồng của chị D). Do không có nhu cầu sử dụng anh Đ đã bán cho một người tên T không rõ họ, tên đệm và địa chỉ tại khu vực thị xã C, tỉnh Hải Dương.

Tại bản Cáo trạng số 19/CT - VKSMH ngày 10/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố bị cáo Đỗ Văn C về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên toà:

+ Bị cáo Đỗ Văn C thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội D Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo;

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo C hoàn trả số tiền 7.000.000 đồng đã bồi thường cho người bị hại thay bị cáo.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Căn cứ Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; điểm a, b khoản 1 Điều 46 BLHS; điểm b khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 BLHS; điểm b khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Điều 584, 585, 586, 589; Điều 357; khoản 2 Điều 468 BLDS; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử phạt Bị cáo Đỗ Văn C 09 - 12 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 05/3/2018; Trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Đỗ Văn C có trách nhiệm bồi thường cho anh Chu Quang A chi phí cấp lại Giấy phép lái xe mô tô và ô tô, thẻ ATM của Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, Giấy Chứng minh nhân dân là 228.000 (hai trăm hai mươi tám nghìn) đồng; Vật chứng và biện pháp tư pháp: Trả lại cho bị cáo Đỗ Văn C 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel bên trong lắp 02 sim và 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Đỗ Văn C; Truy thu của bị cáo Đỗ Văn C số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng, nộp ngân sách nhà nước; Án phí: Bị cáo Đỗ Văn C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như phù hợp khách quan với lời khai của chị Cao Thị D là bạn gái của C đã nhìn thấy C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Jupiter đi ra khỏi nhà hàng Hải Yến, đồng thời phù hợp với lời khai của người bị hại là anh Chu Quang A, Biên bản khám nghiệm hiện trường (BL 67 - 68), Biên bản chỉ dẫn (BL 63 - 64), Sơ đồ chỉ dẫn (BL65), các Biên bản cho người làm chứng xem nội D đoạn video (BL 77 - 82), cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ xác định: Khoảng 21 giờ ngày 15/11/2017, tại nhà hàng Hải Yến thuộc thôn T, xã P, huyện M, tỉnh Hưng Yên, Đỗ Văn C đã sử dụng chìa khoá của xem ô tô nhãn hiệu Honda loại Dream đang do C cầm giữ của chị Cao Thị D để tra vào ổ khoá điện của xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại JupiterMX BKS 37H1 - 521.82 của anh Chu Quang A đang dựng ở sân của nhà Hải Yến thì mở được ổ khoá điện của xe mô tô này. Sau đó, C rút chìa khoá xe ra, đưa lại cho chị D và một mình điều khiển xe mô tô BKS 37H1 - 521.82 ra khỏi nhà hàng Hải Yến, rồi đi về thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Tại đây, C đã cầm cố chiếc xe mô tô này cùng đăng ký xe được 4.000.000 đồng và một mình tiêu sài hết. Hành vi của Đỗ Văn C lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu là anh Chu Quang A trong việc quản lý tài sản, lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại JupiterMX BKS 37H1 - 521.82 của anh A có giá trị 7.000.000 đồng cùng các giấy tờ tùy thân của anh A để trong cốp xe đã thoả mãn đầy đủ dấu hiệu cấu thành tội Trộm cắp tài sản.

Do tài sản bị cáo C chiếm đoạt có giá trị dưới 50.000.000 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân huyện M đã truy tố bị Cáo Đỗ Văn C về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với chị Cao Thị D là bạn gái của C đã đi cùng C đến nhà hàng Hải Yến, nhưng chị D không được C trao đổi trước việc lấy trộm tài sản và tại nhà hàng Hải Yến chị D cũng không biết C lấy trộm xe máy của anh A, chỉ sau khi C cầm cổ xe, được C nói lại thì chị D mới biết. Đồng thời do hành vi phạm tội của C thuộc khoản 1 Điều 173 BLHS, nên Cơ quan điều tra không xem xét, khởi tố đối với chị D về tội Trộm cắp tài sản cũng như tội Không tố giác tội phạm là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với anh Nguyễn Duy H đưa C tới cửa hàng cầm đồ để C cầm cố tài sản trộm cắp, tuy C khai có nói với anh H về nguồn gốc tài sản do phạm tội mà có, nhưng anh H không thừa nhận và trong hồ sơ vụ án cũng không có tài liệu, chứng cứ phản A sự việc như C khai, nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý về hình sự đối với anh Nguyễn Duy H là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với các anh Trần Công Đ và Nguyễn Thế M có tham gia giao dịch dân sự đối với chiếc xe mô tô do C chiếm đoạt nhưng đều không biết về nguồn gốc tài sản, nên Cơ quan điều tra cũng không xem xét, xử lý về hình sự đối với hai anh này là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm tới quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo không chỉ gây ra tâm lý lo lắng, ảnh hưởng tới sinh hoạt, công việc của chủ sở hữu, mà còn gây mất trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Cho nên, cần áp dụng hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét giá trị tài sản chiếm đoạt không lớn, cho đến trước khi bị đưa ra xét xử, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và hành vi phạm tội Trộm cắp tài sản này của bị cáo có tính bột phát, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã khai báo thành khẩn, có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; mẹ của bị cáo là bà Vũ Thị T đã bồi thường cho người bị hại giá trị chiếc xe máy bị mất. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3] Theo cung cấp của chính quyền địa phương, bị cáo C không nghề nghiệp, không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Trách nhiệm dân sự: Ngoài chiếc xe mô tô bị cáo chiếm đoạt, thì bị cáo còn chiếm đoạt của anh A Giấy phép lái xe mô tô và ô tô, thẻ ATM của Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, Giấy Chứng minh nhân dân. Do chiếc xe mô tô, người bị hại đã được bồi thường toàn bộ và người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp, nên không đặt ra giải quyết; đối với các giấy tờ bị mất, anh A yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí cấp lại là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Theo cung cấp của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thì tổng chi phí cấp lại các giấy tờ của anh A bị mất là 228.000 đồng; tại phiên tòa, bị cáo tự nguyện bồi thường cho người bị hại số tiền này, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Vật chứng và biện pháp tư pháp: Chiếc điện thoại di động Nhãn hiệu Masstel bên trong lắp 02 sim và Giấy chứng minh nhân dân, Cơ quan điều tra quản lý của bị cáo C, không liên quan tới hành vi phạm tội, bị cáo có yêu cầu nhận lại, nên trả lại cho bị cáo;

Bị cáo cầm cố tài sản chiếm đoạt được 4.000.000 đồng nên truy thu của bị cáo số tiền này nộp ngân sách nhà nước.

[6] Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn C phạm tội Trộm cắp tài sản;

2. Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; điểm a, b khoản 1 Điều 46 BLHS; điểm b khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 BLHS; điểm b khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Điều 584, 585, 586, 589; Điều 357; khoản 2 Điều 468 BLDS; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

3. Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn C 08 (tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 05/3/2018;

4. Trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Đỗ Văn C có trách nhiệm bồi thường cho anh Chu Quang A, sinh năm 1990; trú tại Xóm H, xã T, thị xã T, tỉnh Nghệ An chi phí cấp lại Giấy phép lái xe mô tô và ô tô, thẻ ATM của Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, Giấy Chứng minh nhân dân là 228.000 (hai trăm hai mươi tám nghìn) đồng;

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với thời gian chưa thi hành án;

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

5. Vật chứng và biện pháp tư pháp:

+ Trả lại cho bị cáo Đỗ Văn C 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel bên trong lắp 02 sim và 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Đỗ Văn C;

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng theo Quyết định chuyển vật chứng số 16/QĐ - VKSMH ngày 10/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M và Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 10/5/2018 giữa Cơ quan C sát điều tra Công an huyện M với Chi cục Thi hành án dân sự huyện M);

+ Truy thu của bị cáo Đỗ Văn C số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng, nộp ngân sách nhà nước;

6. Án phí: Bị cáo Đỗ Văn C phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm;

7. Án xử công khai sơ thẩm, đã báo cho bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh
- VKSND huyện;
- THA hình sự;
- THA dân sự;
- Bị cáo;
- Các đương sự:
- Lưu VP;*
- Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Tuấn Trọng